

AVARINO



1. Thành phần

Thành phần chính trong 1 viên **thuốc Avarino 300mg** bao gồm:

- Alverine.....60mg.
- Simethicone.....300mg.

Dạng bào chế: Viên nang mềm.

2. Tác dụng - Chỉ định của thuốc Avarino

Avarino là thuốc có tác dụng gì?

Alverine có công dụng làm giãn cơ trơn của các cơ quan như dạ dày, tử cung, được sử dụng nhiều trong trường hợp giảm đau có liên quan đến các triệu chứng về tiêu hóa như rối loạn hoặc hội chứng kích thích ruột. Alverine cho tác dụng giảm đau bằng cách tác động lên cơ trơn của ruột, giúp nó hạn chế các hoạt động co bóp, ngăn ngừa tình trạng co thắt cơ xảy ra. Cơ ruột được thư giãn dần tới không còn các triệu chứng như ợ chua, ợ hơi hoặc đau bụng không còn nữa. Alverine sau khi vào cơ thể nhanh chóng được chuyển thành hoạt chất có hoạt tính và cho tác dụng. Sau khi hết nhiệm vụ, nó được đào thải qua thận.

Simethicone được dùng trong các thuốc Đường tiêu hóa nhằm để chống đầy hơi và giảm chứng bụng gây khó chịu cho người bệnh. Simethicone làm giảm sức căng bề mặt của các bóng khí trong dạ dày và thực quản đường tiêu hóa, chúng được FDA chấp thuận sử dụng vào năm 1952. Thuốc sau khi vào cơ thể chỉ cho tác dụng ngắn, nhanh, tuy nhiên,

chỉ số điều trị của simethicon khá rộng và không được hấp thu vào máu. Thuốc sau đó được thải trừ qua phân.

Chỉ định thuốc Avarino

Thuốc Avarino 60mg Alverine 300mg Simethicone được dùng trong điều trị các triệu chứng liên quan đến:

- Rối loạn tiêu hóa.
- Hội chứng ruột kích thích.
- Khó chịu ở bụng: khó tiêu, đầy hơi, chướng bụng, căng tức, đau thượng vị...

3. Liều dùng - Cách dùng thuốc Avarino

Liều dùng thuốc Avarino

Liều dùng Avarino được khuyến khích cho người từ 12 tuổi như sau: Uống 1 viên/lần x 1-3 lần/ngày.

Có thể dùng theo liều như trên hoặc dùng liều theo hướng dẫn của bác sĩ để có thể phù hợp với thể trạng và tình trạng bệnh của bệnh nhân.

Cách dùng thuốc Avarino hiệu quả

Thuốc được bào chế dưới dạng viên, khi dùng, cần uống với một cốc nước.

Uống nguyên viên thuốc để đạt hiệu quả tốt nhất.

Avarino uống trước hay sau ăn?

Thời điểm uống: Uống sau khi ăn để có thể được hấp thu tốt nhất

4. Chống chỉ định

Không dùng thuốc Avarino trong các trường hợp sau:

- Người bị mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào trong Avarino.
- Người bệnh bị liệt ruột hoặc bị tắc ruột.
- Phụ nữ đang mang thai và mẹ đang cho con bú.
- Trẻ em chưa đủ 12 tuổi.

5. Tác dụng phụ

Một số tác dụng phụ đã được báo cáo trên bệnh nhân sử dụng thuốc Avarino bao gồm: đau đầu, buồn nôn, ngứa, chóng mặt, hạ huyết áp, áp lực lọc máu giảm.

Nếu trong quá trình sử dụng thuốc gặp bất kỳ tác dụng không mong muốn nào, hãy báo ngay với bác sĩ để được hướng dẫn xử trí. Trong trường hợp không thể xử trí tại nhà, hãy đưa bệnh nhân tới cơ sở y tế gần nhất.

6. Tương tác

Chưa có bất cứ báo cáo về tương tác thuốc xảy ra khi dùng Avarino với các sản phẩm chức năng hoặc các thuốc khác.

Tốt nhất, nếu bạn có ý định sử dụng thuốc Avarino, hãy liệt kê với bác sĩ các loại thuốc bạn đang sử dụng để nhận được lời tư vấn cụ thể hơn.

7. Lưu ý khi sử dụng và bảo quản

Lưu ý và thận trọng

Cực kỳ thận trọng khi dùng thuốc Avarino cho bệnh nhân bị huyết áp thấp.

Khi dùng thuốc, tốt nhất hãy tuân thủ đúng liều lượng, dùng theo liều lượng được chỉ định để giảm thiểu các bất lợi chẳng may xảy ra.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thuốc trước khi sử dụng.

Nếu thuốc đang trong tình trạng hoặc có dấu hiệu bị hỏng, ẩm, mốc, tốt nhất hãy bỏ đi và không nên tiếp tục sử dụng .

Nếu gặp vấn đề gì khi sử dụng thuốc, hãy báo ngay với bác sĩ.

Lưu ý sử dụng trên phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú

Nhà sản xuất khuyến cáo không được dùng thuốc Avarino cho phụ nữ có thai và mẹ đang cho con bú.

Xử trí khi quá liều

Quá liều Avarino có thể gây ra tình trạng hạ áp và nhiễm độc, biểu hiện tương tự như nhiễm độc atropin (sốt cao, thở nhanh, co giật...).

Xử trí bằng cách dùng biện pháp giải độc atropin và hỗ trợ giảm các triệu chứng xảy ra.

Bảo quản

Bảo quản thuốc ở những nơi khô ráo, mát mẻ.

Tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào sản phẩm.

Nhiệt độ bảo quản: dưới 25 độ C.

Tránh xa tầm với của trẻ nhỏ.

8. Tài liệu tham khảo

Dược thư quốc gia Việt Nam

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc

AVARINO

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang mềm chứa:

Hoạt chất:

Simethicone.....300 mg
Alverine citrate..... 60 mg

Tà được: Silicon dioxide, Gelatin, Glycerin, nước tinh khiết, oxyd sắt vàng, xanh Brilliant, oxyd sắt đen, titanium dioxide.

DƯỢC LỰC HỌC:

Đặc tính của thuốc Avarino là nhờ vào sự phối hợp giữa alverine citrate, một thuốc chống co thắt hướng cơ và simethicone, một silicone lỏng được làm giàu lên bởi các tiểu phân silica mịn. Alverine citrate ức chế tác dụng của các tác nhân gây co cơ trơn. Simethicone tạo một lớp phim bảo vệ, có tác dụng giảm đầy hơi và trướng bụng. Nhờ vào tác dụng chống tạo bọt và chống thấm ướt, simethicone làm giảm đầy bụng gây bởi bọt khí, tác dụng này được tăng cường bởi sự hiện diện của silica.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Simethicone: Là một chất trơ về mặt sinh lý học, nó không bị hấp thu vào đường tiêu hóa hoặc không ảnh hưởng đến sự tiết dịch trong dạ dày, cũng như không gây cản trở hấp thu các chất dinh dưỡng. Sau khi dùng đường uống, thuốc được thải trừ ra phân dưới dạng không đổi.

Alverine citrate: Sau khi uống, Alverine citrate được hấp thu bằng đường tiêu hóa và nhanh chóng chuyển hóa thành chất có hoạt tính. Nồng độ đỉnh trong huyết tương sau khi dùng liều uống đạt được từ 1 đến 1,5 giờ. Sau đó, được chuyển hóa thành các chất không còn hoạt tính và được thải trừ ra nước tiểu bằng bài tiết tích cực ở thận.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị triệu chứng rối loạn tiêu hóa như hội chứng ruột kích thích và những triệu chứng khó chịu ở bụng (đầy hơi, trướng bụng, cảm giác khó tiêu, bị dễ ép và căng, đau ở vùng thượng vị).

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Người lớn: 1 viên/ lần, uống 1-3 lần mỗi ngày, sau khi ăn hoặc theo sự chỉ dẫn của Bác sĩ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân bị tắc ruột hay liệt ruột.

Phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ em dưới 12 tuổi.

THẬN TRỌNG:

Bệnh nhân huyết áp thấp không nên dùng thuốc này.

TÁC DỤNG PHỤ:

Một số tác dụng phụ đã được báo cáo như buồn nôn, đau đầu, ngứa, phát ban, chóng mặt và hạ huyết áp hoặc giảm áp lực máu tạm thời.

Ngoài ra, cũng có thể xảy ra trường hợp dị ứng, kể cả quá mẫn.

Thông báo cho bác sĩ các tác dụng phụ gặp phải khi dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Chưa có báo cáo về tương hợp tương tác với các thuốc khác.

Để tránh khả năng xảy ra tương tác, nên thông báo với bác sĩ hoặc dược sĩ các thuốc đang dùng khác.

QUÁ LIỀU:

Hạ huyết áp và triệu chứng nhiễm độc giống atropine. Xử trí như khi ngộ độc atropine và biện pháp hỗ trợ điều trị hạ huyết áp.

BẢO QUẢN:

Dưới 25°C ở nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp.

TIÊU CHUẨN: Nhà sản xuất.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 3 vi x 10 viên, 5 vi x 10 viên, 6 vi x 10 viên, 10 vi x 10 viên.

Lưu ý:

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin vui lòng hỏi ý kiến Bác sĩ.

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

Không dùng thuốc nếu có bất kỳ dấu hiệu thay đổi bất thường nào về mặt cảm quan của thuốc.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Sản xuất cho:

MEGA LIFESCIENCES (AUSTRALIA) PTY. LTD.

Victoria 3175, Australia

Bởi: **MEGA LIFESCIENCES Public Company Limited**

384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate,

Pattana 3 Road, Praeksa, Mueang,

Samutprakarn 10280, Thái Lan.